

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Làm quen với từ vựng về thức ăn.

apple: quả táo

cupcake: một loại bánh nướng nhỏ

banana: quả chuối

donut: bánh vòng

carrot: củ cà rốt



Cấu trúc (Structure)

Làm quen cách nói về số lượng của món ăn.

There is an apple. Có một quả táo.

There is a banana. Có một quả chuối.

There are eight cupcakes. Có tám cái bánh nướng nhỏ.



Bài vè (Chant)

Thực hành âm và các từ vừa học trong bài vè.



Luyện tập với bạn (Practice with your friends)

Học sinh chia cặp, nhìn vào tranh và thực hành từ vựng, cấu trúc câu trong bài hội thoại về các món ăn.



Trò chơi (Game)

(Heads up. What's missing?) Củng cố ghi nhớ từ vựng: Giáo viên chia lớp thành hai đội và dán theo thứ tự một số flashcard lên bảng. Học sinh quan sát thật kỹ các flashcard trên bảng, sau đó nhắm mắt lại (hoặc úp mặt xuống bàn), giáo viên sẽ lấy đi một flashcard bất kỳ. Đội nào có học sinh đoán đúng flashcard vừa bị mất đi, sẽ được ghi điểm.



Luyện tập thêm tại nhà

Luyện phát âm thật đúng các từ, câu đã học. (CD3, track 46-51)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 78-79).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 8, bài 1) và E-Readers để luyện tập thêm.

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Làm quen với từ vựng về thức ăn. (tiếp theo)

onion: củ hành tây

potato: củ khoai tây

tomato: trái cà chua

lime: quả chanh

egg: quả trứng



Cấu trúc (Structure)

Làm quen cách hỏi về thức ăn và trả lời.

Are there any tomatoes? Có trái cà chua nào ở đây không?

Yes, there are (some tomatoes). Vâng, có (một vài trái cà chua).

No, there aren't. Không có trái nào.

Is there an onion? Có củ hành tây ở đây không?

Yes, there is (an onion). Vâng, có (một củ hành tây)

No, there isn't. Không có củ nào.



Bài về (Chant)

Thực hành âm và các từ vừa học trong bài về.



Luyện tập với bạn (Practice with your friends)

Học sinh chia cặp, nhìn vào tranh và thực hành từ vựng, cấu trúc câu trong bài hội thoại về thức ăn.



Trò chơi (Game)

(Board race) Cùng cố ghi nhớ các đồ vật qua trò chơi: Giáo viên chia lớp thành hai đội. Mỗi lượt chơi, giáo viên dán hai flashcard lên bảng và mời mỗi đội một học sinh lên đứng cách bảng một khoảng nhất định. Giáo viên đọc lớn một trong hai từ vựng trên flashcard. Hai học sinh này chạy đến và chạm vào flashcard tương ứng và lặp lại từ. Học sinh nào chạm đúng flashcard đầu tiên sẽ ghi được 01 điểm cho đội của mình.



Luyện tập thêm tại nhà

Luyện phát âm thật đúng các từ, câu đã học. (CD3, track 52-57)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 80-81).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 8, bài 2) và E-Readers để luyện tập thêm.

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Làm quen với từ vựng về các món ăn.

fries: khoai tây chiên

ice cream: kem

pizza: bánh pi-za

chicken: con gà, món gà

cake: bánh ngọt

fish: con cá, món cá



Cấu trúc (Structure)

Làm quen về cách nói mời ai đó ăn gì và trả lời.

Would you like some fries? Cháu có muốn dùng một ít khoai tây chiên không?

Yes, please./ Sure, thanks. Dạ, vâng ạ./ Dạ vâng, cháu cảm ơn.

Would you like some cake? Cháu có muốn dùng một ít bánh ngọt không?

No, thank you. Dạ không, cháu cảm ơn ạ.



Bài vè (Chant)

Thực hành âm và các từ vừa học trong bài vè.



Luyện tập với bạn (Practice with your friends)

Học sinh chia cặp, nhìn vào tranh và thực hành từ vựng, cấu trúc câu trong bài hội thoại về các món ăn.



Trò chơi (Game)

(Flashcard peek) Cùng cố ghi nhớ các từ vựng trong bài qua trò chơi: Giáo viên mời một học sinh đứng trước lớp. Giáo viên lật mặt sau của flashcard để học sinh này không nhìn thấy. Sau đó, giáo viên lật ra mặt trước thật nhanh rồi lật lại mặt sau. Học sinh này sẽ đoán từ vựng trên flashcard.

(Guess the picture) Cùng cố ghi nhớ các từ vựng trong bài qua trò chơi: Giáo viên chia lớp thành hai đội. Mỗi đội thay phiên chọn một bạn quay lưng lại với bảng. Học sinh này sẽ cố gắng đoán đúng flashcard dán trên bảng. Để đoán được, học sinh này sẽ đặt câu hỏi và các bạn trong nhóm trả lời. Nếu đoán đúng, cả đội sẽ nhận 01 điểm.



Luyện tập thêm tại nhà

Luyện phát âm thật đúng các từ, câu đã học. (CD3, track 58-63)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 82-83).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 8, bài 3) và E-Readers để luyện tập thêm.

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Làm quen với từ vựng về dụng cụ ăn uống.

knife: con dao

chopsticks: đôi đũa

fork: cái nĩa

noodles: mì, bún, phở

spoon: cái thìa, cái muỗng



Cấu trúc (Structure)

Làm quen với cách nói món ăn yêu thích.

We eat ice cream with a spoon.

We often eat chicken.

My favorite food is fish.

Chúng tôi ăn kem với một cái thìa.

Chúng tôi thường ăn thịt gà.

Cá là món yêu thích của tôi.



Luyện tập với bạn (Practice with your friends)

Học sinh chia cặp, nhìn vào tranh và thực hành nói về cách dùng bữa tại các quốc gia khác nhau.



Trò chơi (Game)

(Heads up. What's missing?) Củng cố ghi nhớ từ vựng về dụng cụ ăn uống: Giáo viên chia lớp thành hai đội và dán theo thứ tự một số flashcard lên bảng. Học sinh quan sát thật kỹ các flashcard trên bảng, sau đó nhắm mắt lại (hoặc úp mặt xuống bàn), giáo viên sẽ lấy đi một flashcard bất kỳ. Sau đó, đội nào có học sinh đoán đúng flashcard vừa bị mất đi, sẽ được ghi điểm.



Luyện tập thêm tại nhà

Luyện phát âm thật đúng các từ, câu đã học. (CD3, track 64-67)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 84-85).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 8, bài culture) và E-Readers để luyện tập thêm.

Trong bài này, các em học những nội dung sau:



Từ vựng (Vocabulary)

Ôn tập và củng cố lại các từ vựng đã học từ các bài trước trong chủ đề 8.

apple	onion	fries	fish
banana	tomato	pizza	knife
carrot	egg	cake	fork
cupcake	potato	ice cream	spoon
donut	lime	chicken	chopsticks
			noodles



Cấu trúc (Structure)

Ôn tập và củng cố lại các cấu trúc đã học từ các bài trước trong chủ đề 8.

There is an apple.

There is a banana.

There are eight cupcakes.

Would you like some fries?

→ Yes, please./ Sure, thanks.

Would you like some cake?

→ No, thank you.

Are there any tomatoes?

→ Yes, there are (some tomatoes)./ No, there aren't.

Is there an onion?

→ Yes, there is (an onion)./ No, there isn't.



Trò chơi (Game)

(Board game)

Củng cố ghi nhớ các từ vựng và cấu trúc của chủ đề 8 qua trò chơi: Học sinh chơi theo nhóm 04 người, chia thành 02 cặp. Hai cặp này sẽ chơi “kéo, búa, bao” để quyết định lượt chơi. Cặp nào thắng sẽ được đi lên 2 ô, thua sẽ được đi lên 1 ô. Các cặp ghép biểu tượng trên ô (tròn, tam giác, kim cương) tương với phần cấu trúc câu cho sẵn. Sau đó, sử dụng cấu trúc câu cho sẵn để hỏi và trả lời. Nếu trả lời sai sẽ bị lùi xuống 1 ô. Cặp nào chạm đích đến “Finish” trước sẽ dành phần thắng.



Luyện tập thêm tại nhà

Luyện phát âm thật đúng các từ. (CD3, track 68)

Làm các bài tập trong Sách bài tập (trang 86-87).

Sử dụng các phần mềm DHA, eWB (chủ đề 8, bài review and practice) và E-Readers để luyện tập thêm.